

Số: 1888 /QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 28 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt bổ sung (lần 2) phương án bồi thường, hỗ trợ
dự án: Trường THCS Quyết Tiến, thành phố Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận đất ở; kích thước, diện tích đất tối thiểu được tách thửa; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Lai Châu sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND, Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND, số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trồng vật nuôi và các tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu

hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh Lai Châu V/v phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Trường THCS Quyết Tiến (bổ sung loại đất);

Xét đề nghị của Trường phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1129/TTr-TNMT ngày 27/11/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung (lần 2) phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Trường THCS Quyết Tiến, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: 1.048.433.270 đồng.
(*Bằng chữ: Một tỷ không trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi đồng chẵn*).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	1.048.433.270 đồng
+ Bồi thường về đất:	227.031.600 đồng
+ Tài sản, vật kiến trúc:	29.445.570 đồng
+ Cây cối, hoa màu:	154.377.500 đồng
+ Chính sách hỗ trợ:	637.578.600 đồng

(*Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo*)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 25 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND phường Quyết Tiến; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Hữu Cam

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (lần 2)

Dự án: Trường THCS Quyết Tiến, thành phố Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số: 1888/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2019 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
I	2	3	4	5	6=4*5
A	Tổng cộng				1.048.433.270
I	Chi trả cho chủ sở hữu				1.048.433.270
1	Về đất				227.031.600
2	Về tài sản vật kiến trúc				29.445.570
3	Về cây cối hoa màu				154.377.500
4	Về chính sách hỗ trợ				637.578.600
B	Chi tiết cho các hộ dân				1.048.433.270
1	Họ và tên: Phan Văn Ánh (Nguyễn Thị Lại)				
Địa chỉ thường trú: Tổ 5 - phường Quyết Tiến - thành phố Lai Châu					
Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c+d)					117.620.770
a	Về đất				11.192.800
1	Diện tích thu hồi	m ²			
2	Đất trồng cây lâu năm (vị trí 1)	m ²	329,2	34.000	11.192.800
3	<p>Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất của bà Phạm Thị Lâm ngày 28/12/2000. Đất của bà Lâm được xí nghiệp chè Tam Đường giao khoán năm 1996 (không có hợp đồng giao khoán). Phần diện tích chồng lấn lên thửa đất 109, tờ bản đồ số 3 đã cấp GCN quyền sử dụng đất số BQ 450601 cấp ngày 23/12/2014 cho ông Bùi Văn Nhen; thửa đất số 145, tờ bản đồ số 3 đang quy chủ cho ông Hoàng Công Khánh; thửa đất 148 tờ bản đồ số 3 đã cấp giấy chứng nhận QSD Đ số BQ450417 cấp ngày 19/12/2014 cho ông Đỗ Đức Huấn. Hiện trạng do gia đình ông Phan Văn Ánh đang sử dụng, có cùng nguồn gốc nêu trên hiện tại không tranh chấp.</p>				
b	Về tài sản vật kiến trúc				29.445.570
(Bồi thường một số hạng mục xây dựng để phục vụ mục đích sản xuất nông nghiệp còn lại hạng mục khác xây dựng trên đất nông nghiệp không được bồi thường)					
1	Nhà xây gạch bi tường 12cm, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng, không hiên, không trần, cao 3,35m (6,5*5,2)	m ²			-
2	Nhà xây gạch bi tường 12cm, mái lợp pro xi măng, nền láng vữa xi măng, không hiên, không trần, cao 3,3m (8,3*5,0)	m ²			-
3	Nhà xây gạch bi tường 12cm, mái lợp pro xi măng, nền láng vữa xi măng, không hiên, không trần, cao 3,2m (5,0*4,0)	m ²			-
4	Nhà bán mái xây gạch bi tường 12cm, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng, cao 2,8m (4,55*8,0)	m ²			-
5	Chuồng lợn xây gạch bi lợp pro xi măng, nền láng vữa xi măng (6,3*10,5)	m ²	66,15	341.000	22.557.150
6	Máy sao chè (hỗ trợ di chuyển)	cái			-
7	Bóc tách nhà vệ sinh				-
8	Tường xây gạch bi tường 12cm (13*2,1)	m ²			-
9	Nền láng vữa xi măng dày 3cm (3,3*2,4)	m ²			-
10	Trát VXM không đánh màu (3,3*2,4)*2	m ²			-
11	Mái lợp pro xi măng, cả khung xà (3,3*2,6)	m ²			-
12	Xí xôm	cái			-
13	Bê phốt xây gạch bi tường 12cm, nắp BTCT (2,4*1,9*1,5)	m ³			-
14	Bóc tách hố phân				-
15	Tường xây gạch bi tường 12cm (20*1,5)	m ²	30	127.600	3.828.000

TT	Tên các hạng mục		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng) [†]
1	2	3	4	5	6=4*5
16	Trát VXM không đánh màu (20*1.5)	m2	30	27.500	825.000
17	Hố đào đất thủ công (6*2.2*1.5)	m3	19,8	82.500	1.633.500
18	Láng vữa xi măng dày 3cm (6*2.2)+(2*1)	m2	15.2	39.600	601.920
19	Sân bê tông đá dăm dày 10cm (2.7*4.3)	m2			-
20	Láng vữa xi măng dày 3cm (1.5*2.2)*2	m2			-
21	Tường xây gạch bi tường 12cm (10.5*0.5)	m2			-
22	Mái lợp tôn cả khung xà (4.6*5.2)	m2			-
23	Bỏ bờ sân hoàn chỉnh	m			-
24	Khung sắt (2,3*0.95)	m2			-
25	Máng tôn	m			-
26	Ống nhựa PVC đường kính 90mm	m			-
27	Ống nhựa PVC đường kính 34mm	m			-
28	Bán mái xây gạch bi tường 12cm, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng cao 2,4m (2.5*5.0)	m2			-
29	Ván bưng (2.5*2.5)	m2			-
30	Ván bưng (1.4*2.5)	m2			-
31	Tấm đan BTCT (0.8*1.6*0.1)	m3			-
32	Tường xây gạch bi tường 12cm (0.8*0.5)+(1.2*0.8)*2	m2			-
33	Nhà xây gạch bi tường 12cm, mái lợp pro xi măng, nền láng vữa xi măng, không trần, không hiên, cao 3m (3.2*4.8)	m2			-
34	Mái lợp pro xi măng, cả khung xà (1.3*5)	m2			-
35	Mái lợp pro xi măng, cả khung xà (0.5*3.2)	m2			-
36	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (1.3*0.5)+(0.5*3.2)	m2			-
37	Bán mái khung sắt lợp pro xi măng (5.4*2.7)	m2			-
38	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (5.4*2.7)	m2			-
39	Tường xây gạch bi tường 12cm (5.4*1.5)	m2			-
40	Máng tôn	m			-
41	Tường xây gạch bi tường 12cm (1*3.3)	m2			-
42	Trát VXM không đánh màu (1*3.3)*2	m2			-
43	Trần gỗ (4.5*4.5)	m2			-
44	Ốp gỗ (3*2.7)	m2			-
45	Bán mái khung sắt lợp pro xi măng (5.1*3)	m2			-
46	Sân bê tông đá dăm dày 10cm (5.1*2.9)	m2			-
47	Tường xây gạch bi tường 12cm (5*1.5)	m2			-
48	Trụ công xây gạch bi (0.4*0.25*2.3)	m3			-
49	Máng tôn	m			-
50	Mái lợp tôn cả khung xà (8*0.5)	m2			-
c	Về cây cối hoa màu				3.084.000
1	Cây bơ bán kính từ 4m trở lên	cây	2	840.000	1.680.000
2	Cây bơ bán kính từ 2m đến dưới 4m	cây	2	540.000	1.080.000
3	Cây chanh trồng hạt năm thứ 3	cây	1	132.000	132.000
4	Cây quýt bán kính từ 1m đến dưới 2m	cây	1	192.000	192.000
d	Về chính sách hỗ trợ				73.898.400
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm). Theo quy định tại khoản 1. Điều 17 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	m ²	329,2	102.000	33.578.400
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (Thu hồi trên 70% đất nông nghiệp, phải di chuyển chỗ ở, bằng 4 khẩu * 30kg gạo/tháng * 14.000 đồng * 24 tháng). Theo quy định tại Điều 16 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	kg	2880	14.000	40.320.000

TT	Tên các hạng mục		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
2	Phạm Thị Vui				
Địa chỉ thường trú: Bán Thành Công - xã San Thành - thành phố Lai Châu					
Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c+d)					279.207.200
a	Về đất				50.326.800
1	Diện tích thu hồi	m ²	1480,2		
2	Đất trồng cây lâu năm (vị trí 1)	m ²	1480,2	34.000	50.326.800
3	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất của bà Phạm Thị Lâm ngày 30/2/1999. Đất của bà Lâm được xí nghiệp chè Tam Đường giao khoán (không có hợp đồng giao khoán). Phần diện tích chồng lấn lên thửa đất số 109, tờ bản đồ số 3 đã cấp giấy chứng nhận quyền SD Đ số BQ 450601 ngày 29/12/2014 cho ông Bùi Văn Nhen; thửa số 242 tờ bản đồ số 3 quy chủ UBND phường quản lý. Hiện trạng do gia đình bà Vui đang sử dụng ổn định không tranh chấp, có cùng nguồn gốc nêu trên.				
b	Về tài sản vật kiến trúc				
Tài sản vật kiến trúc (Xây dựng trên đất nông nghiệp không được bồi th					
1	Nhà xây gạch bi tường 12cm, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng, không hiên, không trần, cao 3m (7.2*7.3)	m ²			-
2	Bán mái xây gạch bi tường 12cm, mái lợp pro xi măng, nền láng vữa xi măng cao 2,3m (2.4*7.2)	m ²			-
3	Xí bệt	cái			-
4	Bê phốt xây gạch bi tường 12cm, nắp BTCT	m ³			-
5	Ván bưng (4.8*2.4)	m ²			-
c	Về cây cối hoa màu				27.500.000
1	Sản lượng chè 1000m ² , 25 tấn/ ha/ năm *2 năm	kg	5000	5.500	27.500.000
d	Về chính sách hỗ trợ				201.380.400
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm). Theo quy định tại khoản 1, Điều 17 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	m ²	1480,2	102.000	150.980.400
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (Thu hồi trên 70% đất nông nghiệp, phải di chuyển chỗ ở, bằng 5 khẩu * 30kg gạo/tháng *13.000 đồng * 24 tháng). Theo quy định tại Điều 16 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	Kg	3600	14.000	50.400.000
3	Họ và tên: Trần Văn Quyết (Lê Thị Ánh)				
Địa chỉ thường trú: Tổ 8 - phường Quyết Tiến - thành phố Lai Châu					
Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c)					353.035.200
a	Về đất				69.468.800
1	Diện tích thu hồi	m ²	2043,2		
2	Đất trồng cây lâu năm (vị trí 1)	m ²	2043,2	34.000	69.468.800

TT	Tên các hạng mục		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
3	<p>Nguồn gốc: Được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ450661 ngày 29/12/2014 và số BĐ 663890 ngày 19/9/2013. Phần diện tích chồng lấn lên thửa đất số 242, tờ bản đồ số 3 đang quy chủ cho UBND phường quản lý; thửa 162 tờ bản đồ số 3 đã cấp giấy chứng nhận QSD Đ số BQ 450144 ngày 19/12/2014 cho ông Đỗ Ngọcch Phục; Thửa 128 tờ bản đồ số 3 đã cấp giấy chứng nhận QSD Đ số BX 792708 ngày 9/8/2017 cho ông Lý Văn Dân; thửa 127, tờ bản đồ số 3 quy chủ cho bà Đỗ Thị Ngâm; thửa 146 tờ bản đồ số 3 quy chủ cho bà Sùng Thị Mai Hoa, hiện tại do gia đình ông Trần Văn Quyết đang sử dụng ổn định không có tranh chấp với ai, có cùng nguồn gốc với thửa đất nêu trên</p>				
b	Về cây cối hoa màu				55.000.000
1	Sản lượng chè 2000m2, 25 tấn/ ha/ năm *2 năm	kg	10000	5.500	55.000.000
c	Về chính sách hỗ trợ				228.566.400
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm). Theo quy định tại khoản 1, Điều 17 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	m ²	2043.2	102.000	208.406.400
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (Thu hồi trên 70% đất nông nghiệp, không phải di chuyển chỗ ở, bằng 4 khẩu * 30kg gạo/tháng *13.000 đồng * 12 tháng). Theo quy định tại Điều 16 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	kg	1440	14.000	20.160.000
4	Họ và tên: Nguyễn Thị Thiết				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 7 - phường Quyết Tiến - thành phố Lai Châu				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c)				35.712.600
a	Về đất				6.293.400
1	Diện tích thu hồi	m ²	185.1		
2	Đất trồng cây lâu năm (vị trí 1)	m ²	185.1	34.000	6.293.400
3	<p>Nguồn gốc: Được xí nghiệp chè Tam Đường giao khoán 1996 (mất giấy tờ). Phần diện tích chồng lấn lên thửa đất số 242, tờ bản đồ số 3 quy chủ cho UBND phường quản lý; Thửa 156, tờ bản đồ số 3 quy chủ cho bà Phạm Thị Bé. Hiện trạng bà Thiết đang sử dụng ổn định không tranh chấp với ai có cùng nguồn gốc nêu trên.</p>				
b	Về cây cối hoa màu				5.499.000
1	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ hai	cây	15	66.000	990.000
2	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ tư	cây	2	192.000	384.000
3	Sản lượng chè 150m2, 25 tấn/ha/năm * 2 năm	kg	750	5.500	4.125.000
c	Về chính sách hỗ trợ				23.920.200
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm). Theo quy định tại khoản 1, Điều 17 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	m ²	185.1	102.000	18.880.200

TT	Tên các hạng mục		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (Thu hồi trên 70% đất nông nghiệp, không phải di chuyển chỗ ở, bằng 1 khẩu * 30kg gạo/tháng * 13.000 đồng * 12 tháng). Theo quy định tại Điều 16 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	kg	360	14.000	5.040.000
5	Họ và tên: Nguyễn Thị Rộng, Bùi Văn Nhen				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 6 - phường Quyết Tiến - thành phố Lai Châu				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c+d)				
					86.833.400
a	Về đất				
					53.145.400
1	Diện tích thu hồi	m ²	1563,1		
2	Đất trồng cây lâu năm (vị trí 1)	m ²	1563,1	34.000	53.145.400
3	Nguồn gốc: Được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận quyền SDD số BQ 450601 cấp ngày 29/12/2014. Phần diện tích chồng lấn lên thửa đất số 242, tờ bản đồ số 3 đang quy chủ cho UBND phường quản lý; thửa 111 tờ bản đồ số 3 đang quy chủ cho bà Phạm Thị Lâm; thửa 145 tờ bản đồ số 3 đang quy chủ cho ông Hoàng Công Khánh. Hiện tại do gia đình bà Rộng sử dụng ổn định không tranh chấp với ai, có cùng nguồn gốc nêu trên				
b	Về tài sản vật kiến trúc				
	Tài sản vật kiến trúc (Xây dựng trên đất nông nghiệp không được bồi th				
1	Bán mái xây gạch bi tường 12cm, mái lợp pro xi măng, nền láng vữa xi măng cao 2,6m (2.2*4.4)	m ²			-
2	Tường xây gạch bi tường 12cm (3*0.8)	m ²			-
3	Bóc tách nhà tắm				-
4	Tường xây gạch bi tường 12cm (7.7*2)	m ²			-
5	Trát VXM không đánh màu (7.7*2)	m ²			-
6	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (1.6*1.7)	m ²			-
7	Mái lợp pro xi măng cá khung xà (2.6*1.7)	m ²			-
8	Nhà khung cột gỗ đường kính cột <20cm (10*4.1)	m ²			-
9	Tường ghép gỗ (26.2*3.6)	m ²			-
10	Trần tôn (3.3*4.1)	m ²			-
11	Trần gỗ (3.1*4.1)	m ²			-
12	Nền láng vữa xi măng dày 3cm (10*4.1)	m ²			-
13	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (10*4.1)	m ²			-
14	Bạt dứa trải nền (10*4.1)	m ²			-
15	Nhà xây gạch bi tường 12cm, nền láng vữa xi măng, mái lợp tôn, không trần, không hiên, cao 3,3m (3,55*3,5)	m ²			-
16	Nhà xây gạch bi tường 12cm, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng, không trần, không hiên, cao 3m (9*3,5)	m ²			-
17	Bóc tách nhà vệ sinh				-
18	Tường xây gạch bi tường 12cm (5,8*2,4)	m ²			-
19	Trát vữa xi măng không đánh màu (5,8*2,4)*2	m ²			-
20	Bình nóng lạnh (Hỗ trợ di chuyển)	cái			-
21	Xí bệt	cái			-
22	Chậu rửa (Hỗ trợ di chuyển)	cái			-
23	Nền lát gạch liên doanh (1,4*2,4)	m ²			-
24	Bê phốt xây gạch bi tường 12cm, nắp bê tông cốt thép	m ³			-
25	Bán mái xây gạch bi tường 12cm, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng cao 2,6m (2,4*3,4)	m ²			-
26	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (5,4*2,7)	m ²			-
27	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m			-
28	Téc nước, năng lượng mặt trời (Hỗ trợ di chuyển)	cái			-
29	Thép V0,5*0,5 dày 2ly (Chân téc nước)	m			-
30	Bể nước xây gạch bi tường 12cm, nắp bê tông (1,8*2,1*1,7)	m ³			-
31	Bán mái khung gỗ lợp tôn (2,5*2,6)	m ²			-

TT	Tên các hạng mục		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
32	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (2.7*7)	m ²			-
33	Lưới B40 (6*1.5)	m ²			-
34	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (1.5*4)	m ²			-
35	Mái lợp tôn cả khung xà (1.5*4)	m ²			-
36	Máng tôn	m			-
37	Mái lợp tôn cả khung xà (8*2)*2	m ²			-
38	Bán mái xây gạch bi tường 12cm, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng, cao... (5.9*3.8)	m ²			-
39	Mái lợp tôn lạnh cả khung xà (2*4.1)	m ²			-
40	Mái lợp tôn cả khung xà (10*4.1)	m ²			-
41	Lưới B40 (12*1.5)	m ²			-
42	Ngõ vào đổ bê tông đá dăm dày 10cm (27*2)	m ²			-
43	Nhà xây gạch bi tường 12cm, mái lợp pro xi măng, nền láng vữa xi măng, cao 2.7m (10.1*8.4)	m ²			-
44	Máy sao chè (hỗ trợ di chuyển)	cái			-
45	Tôn quây (4*3)	m ²			-
46	Bạt đừa (9*3)	m ²			-
47	Bán mái khung sắt lợp tôn (11.3*3)	m ²			-
48	Tôn quây (13*3)	m ²			-
49	Nhà xây gạch bi tường 12cm, mái lợp pro xi măng, nền láng vữa xi măng, không trần, không hiên, cao 2.6m (3.4*2.6)	m ²			-
50	Mái lợp tôn cả khung xà (6.6*2)	m ²			-
51	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (6.6*2)	m ²			-
52	Nhà xây gạch bi tường 12cm, mái lợp pro xi măng, nền láng vữa xi măng, không trần, không hiên, cao 3.8m (6.2*8.4)	m ²			-
53	Tôn quây (4*3)	m ²			-
54	Hào đào thủ công (1.5*10*0.5)	m ³			-
c	Về cây cối hoa màu				33.688.000
1	Cây đào bán kính từ 2m đến dưới 4m	cây	1	480.000	480.000
2	Chậu cây cảnh	chậu	7	24.000	168.000
3	Cây nhãn bán kính từ 2m đến dưới 4m	cây	1	624.000	624.000
4	Cây mít bán kính từ 4m trở lên	cây	1	660.000	660.000
5	Cây bưởi bán kính từ 2m đến dưới 4m	cây	1	480.000	480.000
6	Cây đào bán kính từ 4m trở lên	cây	1	600.000	600.000
7	Cây nhãn bán kính từ 4m trở lên	cây	3	900.000	2.700.000
8	Cây đào bán kính từ 1m đến dưới 2m	cây	3	360.000	1.080.000
9	Cây đào bán kính từ 2m đến dưới 4m	cây	2	480.000	960.000
10	Cây đào trồng hạt năm thứ nhất	cây	20	42.000	840.000
11	Cây nhãn bán kính từ 2m đến dưới 4m	cây	2	624.000	1.248.000
12	Cây nhãn trồng hạt năm thứ tư	cây	4	192.000	768.000
13	Cây đào bán kính từ 1m đến dưới 2m	cây	3	360.000	1.080.000
14	Sản lượng chè 800m ² , 25 tấn/ ha/ năm *2 năm	kg	4000	5.500	22.000.000
d	Về chính sách hỗ trợ				-
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm). Theo quy định tại khoản 1, Điều 17 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	m ²			

TT	Tên các hạng mục		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (Thu hồi trên 70% đất nông nghiệp, không phải di chuyển chỗ ở, bằng 2 khẩu * 30kg gạo/tháng * 13.000 đồng * 12 tháng). Theo quy định tại Điều 16 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	kg			
6	Họ và tên: Trần Văn Quyết (Đang tranh chấp với 9 hộ gia đình vì là đường bờ lô)				
	Địa chỉ thường trú:				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c)				
a	Về đất				
1	Diện tích thu hồi	m ²	471.9		16.044.600
2	Đất trồng cây lâu năm (vị trí 1)	m ²	471.9	34.000	16.044.600
3	Nguồn gốc: Được UBND thành phố cấp giấy chứng nhận QSD Đ số BQ 450416 ngày 04/6/2015 mang tên bà Lê Thị Ánh. Phần diện tích chồng lấn lên thửa đất số 242 tờ bản đồ số 3 đang quy chủ cho UBND phường quản lý; thửa 162 tờ bản đồ số 3 đã cấp giấy chứng nhận QSD Đ số BQ 450144 ngày 19/12/2014 cho ông Đỗ Ngọc Phú; thửa 128 tờ bản đồ số 3 đã cấp giấy chứng nhận QSD Đ số BX 792708 ngày 9/8/2017 cho ông Lý Văn Dần. Hiện trạng do gia đình ông Trần Văn Quyết sử dụng, tuy nhiên trong quá trình quy chủ sử dụng đất tại dự án phát sinh tranh chấp giữa 9 hộ gia đình bà Đào Thị Phương, bà Nguyễn Thị Lân, ông Nguyễn Xuân Cảnh, ông Nguyễn Xuân Chiêm, bà Hoàng Thị Huệ, ông Đỗ Ngọc Phú, bà Lê Thị Chiên, bà Hà Thị Dậy, bà Vũ Thị Hoan với gia đình ông Trần Văn Quyết diện tích trên				
b	Về cây cối hoa màu				
1	Sản lượng chè 471.9m ² , 25 tấn/ ha/ năm *2 năm	kg	2359.5	5.500	12.977.250
c	Về chính sách hỗ trợ				
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm). Theo quy định tại khoản 1, Điều 17 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	m ²	471.9	102.000	48.133.800
7	Họ và tên: Sùng Thị Mai Hoa				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 8 - phường Quyết Tiến - thành phố Lai Châu				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c)				
a	Về đất				
1	Diện tích thu hồi	m ²	604.7		20.559.800
2	Đất trồng cây lâu năm (vị trí 1)	m ²	604.7	34.000	20.559.800
3	Nguồn gốc: Nhận tặng cho quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Phú năm 2000 (không có giấy tờ tặng cho) đất của bà Phú nhận chuyển nhượng của ông Trần Đình Bảy năm 1999. Đất của ông Bảy được xí nghiệp chè Tam Đường giao khoán năm 1996 (mất giấy tờ). Phần diện tích thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 3 đang quy chủ cho bà Đỗ Thị Ngâm; thửa 242 tờ bản đồ số 3 quy chủ cho UBND phường quản lý, hiện tại bà Sùng Thị Mai Hoa đang sử dụng ổn định không tranh chấp với ai				
b	Về cây cối hoa màu				
1	Sản lượng chè 604.7m ² , 25 tấn/ ha/ năm *2 năm	kg	3023.5	5.500	16.629.250
c	Về chính sách hỗ trợ				



TT	Tên các hạng mục		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm). Theo quy định tại khoản 1, Điều 17 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	m ²	604.7	102.000	61.679.400